TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỤC NGẠN
TỈNH BẮC GIANG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 18/2022/HNGĐ-ST
Ngày 28/02/2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỤC NGẠN, TỈNH BẮC GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Văn Thể.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Ngọc Côn.

Ông Giáp Văn Phẩm.

Thư ký phiên toà: Ông Vũ Hữu Thơ – Thư ký Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn.

Đại diện Viện kiểm sát: Ông Hoàng Trung Kiên - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Lục Ngạn.

Ngày 28/02/2023 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 523/2022/TLST - HNGĐ ngày 27 tháng 10 năm 2022 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 02 năm 2023 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ma Thị N, sinh năm 1991(Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG

Bị đơn: Anh Lường Văn Đ, sinh năm 1986 (Vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện đề ngày 24/10/2022, bản tự khai, chị Ma Thị N trình bày:

Chị và anh Lường Văn Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGvào ngày 17/02/2009. Trước khi kết hôn anh chị đã có được tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau ngay tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG. Tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến khoảng tháng 06/2017 thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế. Gia đình họ hàng hai bên cũng đã hoà giải cho hai vợ chồng Đ tụ nhưng không thành. Anh chị ly thân từ tháng 12/2018 đến nay không còn hỏi thăm liên lạc với nhau nữa. Nay chị thấy mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nữa, cuộc sống vợ chồng không thể tiếp tục nên chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lường Văn Đ.

- Về con chung: Chị và anh Lường Văn Đ có 02 con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009 và Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011, hiện các con chung đang ở với anh Đ đều khoẻ mạnh phát triển bình thường. Sau khi ly hôn chị có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009, còn để anh Đ nuôi dưỡng cháu Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011. Về cấp dưỡng anh chị tự thoả thuận nên không đề nghị Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, công nợ: Chị không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 23/11/2022, anh Lường Văn Đ trình bày:

Anh và chị Ma Thị N có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGvào ngày 17/02/2009. Trước khi kết hôn anh chị đã có sự tìm hiểu trên cơ sở tự nguyện, không ai ép buộc, được hai bên gia đình tổ chức cưới theo phong tục địa phương. Sau ngày cưới anh chị về chung sống với nhau ngay tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG. Tình cảm vợ chồng ban đầu hạnh phúc. Đến đầu năm 2014 thì vợ chồng nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị Nhường có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Gia đình họ hàng hai bên cũng đã hoà giải cho hai vợ chồng nhưng không thành. Anh chị ly thân từ năm 2020 đến nay không còn hỏi thăm liên lạc với nhau nữa. Nay xét thấy mục đích của hôn nhân không đạt được, anh chị không thể tiếp tục chung sống được với nhau nữa, chị Ma Thị N khởi kiện ly hôn với anh, anh hoàn toàn nhất trí ly hôn với chị Ma Thị N.

Về con chung: Anh và chị Ma Thị N có 02 con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009 và Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011, hiện các con chung đang ở với anh, các con chung đều khoẻ mạnh phát triển bình. Sau khi ly hôn anh có nguyện vọng được nuôi dưỡng cả 02 con chung. Về cấp dưỡng anh chị tự thoả thuận, anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Về tài sản chung, công nợ: Anh không đề nghị Toà án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2022 cháu Lường Phương N trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Ma Thị N.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27/10/2022 cháu Lường Thị Phương T trình bày: Nếu bố mẹ cháu ly hôn cháu có nguyện vọng ở với mẹ là Ma Thị N.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2023, ông Trương Văn Lập là trưởng thôn thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG cung cấp: Anh Lường Văn Đ hiện đang đi xây ở Lạng Sơn còn cụ thể địa chỉ cụ thể ở đâu địa phương không rõ, ngoài ra anh còn làm vườn với gia đình tại địa phương. Còn đối với mức lương thu nhập cụ thể của anh là bao địa địa phương không rõ.

Tại biên bản xác minh ngày 14/02/2023, ông Chu Văn T phó chủ tịch Uỷ ban nhân dân xã P cung cấp: Về thu nhập cụ thể của anh Lường Văn Đ thì địa phương không nắm rõ được. Đối với thu nhập bình quân trên đầu người của xã Phong Vân là 27.000.000 đồng/ người/ năm vào năm 2022.

Tại phiên tòa sơ thẩm chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ đều vắng mặt và có đơn xin xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử tóm tắt nội dung vụ án, công bố các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án.

Tại phiên toà Đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Thư ký Tòa án, Hội đồng xét xử và các đương sự: Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục tố tụng, xác định đúng thẩm quyền, quan hệ pháp luật, thu thập chứng cứ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng nguyên tắc, trình tự tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chấp hành đúng các quy định về quyền nghĩa vụ của mình quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án, Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 147, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, xử:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị N: Cho chị Ma Thị N được ly hôn hôn với anh Lường Văn Đ.

Về con chung: Giao cho chị Ma Thị N nuôi dưỡng con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009; Giao cho anh Lường Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn, chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ thực hiện quyền này.

Về án phí: Chị Ma Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Ma Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0011196 ngày 27 tháng 10 năm 2022.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Chị Ma Thị N khởi kiện yêu cầu Toà án nhân dân huyện Lục Ngạn giải quyết việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung với anh Lường Văn Đ có địa chỉ tại thôn C, xã P, huyện L, tỉnh BG. Đây là quan hệ tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Xét yêu cầu của các đương sự, Hội đồng xét xử xét thấy:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, được tự do tìm hiểu trước khi kết hôn và đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã P, huyện L, tỉnh BGđược cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 17/02/2009. Do vậy xác định đây là hôn nhân hợp pháp.

Theo trình bày của chị Ma Thị N vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, thường xuyên cãi vã, không cùng nhau phát triển kinh tế chung. Anh Lường Văn Đ cũng thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị Ma Thị N có mối quan hệ tình cảm với người đàn ông khác. Hội đồng xét xử xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ mâu thuẫn là có thật, việc vợ chồng đều xác định mâu thuẫn của vợ chồng hiện nay đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ quy định

tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Ma Thị N, cho chị Ma Thị N được ly hôn với anh Lường Văn Đ.

[3] Về con chung: Chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ có 02 con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009 và Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011. Hiện nay, chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ đều có nguyện vọng được nuôi dưỡng con chung. Hội đồng xét xử xét nguyện vọng nuôi dưỡng con chung của anh chị thì thấy: Chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ đều có thu nhập ổn định, có đủ điều kiện để nuôi dưỡng con chung, điều kiện để nuôi con là ngang nhau. Hiện tại các con chung đều có nguyện vọng ở với mẹ, tuy nhiên để tạo điều kiện tốt nhất để cháu phát triển toàn diện, đê các bên cùng có trách nhiệm chăm lo các cháu, Hội đồng xét xử thấy cần giao cho chị Ma Thị N nuôi dưỡng con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009; Anh Lường Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011 là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về tài sản chung, công nợ chung: Do chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ không đề nghị Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí : Căn cứ Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội, chị Ma Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Ma Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0011196 ngày 27 tháng 10 năm 2022.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 280 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 6, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án, xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Ma Thị N: Cho chị Ma Thị N được ly hôn hôn với anh Lường Văn Đ.

2. Về con chung: Giao cho chị Ma Thị N nuôi dưỡng con chung là Lường Thị Phương T, sinh ngày 17/9/2009; Giao cho anh Lường Văn Đ nuôi dưỡng con chung là Lường Phương N, sinh ngày 26/4/2011 cho đến khi con chung trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Cấp dưỡng nuôi con không đặt ra xem xét giải quyết, vì đương sự không yêu cầu. Sau khi ly hôn, chị Ma Thị N và anh

Lường Văn Đ có quyền thăm nom con chung không ai được cản trở chị Ma Thị N và anh Lường Văn Đ thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị Ma Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị Ma Thị N đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lục Ngạn theo biên lai thu số 0011196 ngày 27 tháng 10 năm 2022.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Lục Ngạn;
- Chi cục THADS huyện Lục Ngạn.
- UBND xã Phong Vân, huyện Lục Ngạn;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

(Đã ký)

Phan Văn Thể